

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/ DS-ST

Ngày: 04-9-2018

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Bằng

*-Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

*-Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:* Không tham gia phiên tòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số: 71/2018/ TLST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2018/QĐST-DS, ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Ông Trần Trọng L, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Số 79/30A, Phó Cơ Điều, phường 3, thành phố L, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Trọng L là ông Nguyễn T, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Số 1/B7, đường Lưu Văn Liệt, phường 2, thành phố L, tỉnh L ( Theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018).

2. *Bị đơn:* 1/ Ông Huỳnh Văn Mười H, sinh năm: 1949 ( vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1952 ( vắng mặt)

3/ Anh Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1973 ( vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 10/3, ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*-Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:*

Vào ngày 21/8/2017 ông Trần Trọng L có cho ông Huỳnh Văn Mười H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, anh Huỳnh Văn Q vay số tiền 120.000.000 đồng vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Khi vay ông H, bà L, anh Q có thể chấp cho ông L 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 752, diện tích 198m<sup>2</sup>, loại đất thổ; thửa 855, diện tích 55m<sup>2</sup>, loại đất màu; thửa số 854, diện tích 873,6m<sup>2</sup>, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Huỳnh Văn Mười H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận tiền ông H, bà L, anh Q không có trả tiền gốc và lãi cho ông L theo như cam kết. Ông L yêu cầu ông H, bà L, anh Q trả cho ông số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến ngày 23/5/2018 là 09 tháng, với lãi suất 1.66%/tháng = 17.920.000 đồng. Nhưng nguyên đơn chỉ lấy 17.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi là 137.000.000 đồng. Nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 752, diện tích 198m<sup>2</sup>, loại đất thổ; thửa 855, diện tích 55m<sup>2</sup>, loại đất màu; thửa số 854, diện tích 873,6m<sup>2</sup>, loại đất lúa, đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L, do hộ ông Huỳnh Văn Mười H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*-Bị đơn ông Huỳnh Văn Mười H trình bày:* Trước đây ông không nhớ năm nào, ông L có dẫn 01 người vô nhà ông, cho vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng đóng 4.000.000 đồng. Ông đóng lãi được một thời gian thì không có tiền trả, nên giữa ông với ông L và người cho vay thỏa thuận, ông làm lại giấy vay tiền cho ông L với nội dung vay của ông L số tiền 120.000.000 đồng và thế chấp cho ông L 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như nguyên đơn trình bày. Từ ngày vay tiền cho đến nay ông không có trả tiền gốc và lãi cho ông L. Theo yêu cầu của ông L ông cũng đồng ý trả cho ông L số tiền gốc và lãi là 137.000.000 đồng và yêu cầu ông L trả cho ông 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

*-Bà Nguyễn Thị Ngọc L và anh Huỳnh Văn Q vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có bản khai ý kiến của mình đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*-Ý kiến của ông T tại phiên tòa:*

Ông T đại diện cho nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi chỉ yêu cầu tính từ ngày 21/8/2017 đến ngày 21/8/2018 (theo hợp đồng thời hạn vay là 12 tháng), với lãi suất 1.66%/tháng với số tiền là 23.904.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 143.904.000 đồng. Sau khi bị đơn trả tiền, nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Văn Mười H, bà Nguyễn Thị Ngọc L và anh Huỳnh Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H, bà L và anh Q.

[2]. Về nội dung: Theo hợp đồng vay tiền ngày 21/8/2017 thể hiện ông L có cho ông H, bà L, anh Q vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 1.2%/tháng, hình thức trả lãi hàng tháng, thời hạn vay 12 tháng. Mặc dù đến thời điểm khởi kiện ngày 24/4/2018 là chưa đến thời hạn để trả nợ gốc, nhưng do ông H, bà L, anh Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng nên ông L được quyền khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số tiền gốc và lãi.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông H, bà L, anh Q trả số tiền gốc 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 21/8/2017 ông L có cho ông H, bà L, anh Q vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 1.2%/tháng, thời hạn vay 12 tháng là có thật. Điều này thể hiện qua hợp đồng vay tiền ngày 21/8/2017, được công chứng tại Văn phòng công chứng A, được nguyên đơn và ông H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bà L và anh Q đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà L, anh Q vắng mặt trong các phiên hòa giải, cũng không có bản khai ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, xem như bà L, anh Q đã thừa nhận số nợ nêu trên.

Kể từ ngày nhận tiền cho đến nay, phía bị đơn không trả tiền gốc cho nguyên đơn. Tính đến nay ông H thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 120.000.000 đồng. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*” Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 120.000.000 đồng là có căn cứ.

[4]. Về tiền lãi: Điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả...*”.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi trên số nợ gốc 120.000.000 đồng với mức lãi suất 1.66%/tháng, tính từ ngày 21/8/2017 đến ngày 21/8/2018 là 23.904.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hợp đồng vay tiền ngày 21/8/2017, các bên có thỏa thuận thời hạn vay tiền là 12 tháng, mức lãi suất 1.2%/tháng. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1.66%/tháng là cao hơn lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó nên chấp nhận mức lãi suất là 1.2%/tháng là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiền lãi được tính như sau: 120.000.000 đồng x 1.2%/tháng x 12 tháng = 17.280.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 137.280.000 đồng.

[5]. Về tài sản thế chấp: Buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 752, diện tích 198m<sup>2</sup>, loại đất thổ; thửa 855, diện tích 55m<sup>2</sup>, loại đất màu, do ông Huỳnh Văn Mười H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa số 854, diện tích 873,6m<sup>2</sup>, loại đất lúa, do hộ ông Huỳnh Văn Mười H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông Huỳnh Văn Mười H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, anh Huỳnh Văn Q phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận. Cụ thể: 137.280.000 đồng x 5% = 6.864.000 đồng. Ông Huỳnh Văn Mười H và bà Nguyễn Thị Ngọc L là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án dân sự sơ thẩm đối với phần tiền án phí ông Huỳnh Văn Mười H và bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp là 4.576.000 đồng. Do đó anh Huỳnh Văn Q còn phải nộp 2.288.000 đồng. Buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí đối với khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận. Cụ thể: (23.904.000 đồng – 17.280.000 đồng) x 5% = 331.200 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Huỳnh Văn Mười H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, anh Huỳnh Văn Q trả cho ông Trần Trọng L số tiền gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi 17.280.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 137.280.000 đồng ( Một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng).

2. Không chấp nhận việc ông Trần Trọng L yêu cầu ông Huỳnh Văn Mười H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, anh Huỳnh Văn Q trả cho ông số tiền lãi 6.624.000 đồng ( Sáu triệu sáu trăm, hai mươi bốn ngàn đồng).

3. Buộc ông Trần Trọng L trả cho ông Huỳnh Văn Mười H, bà Nguyễn Thị Ngọc L, anh Huỳnh Văn Q 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 752, diện tích 198m<sup>2</sup>, loại đất thổ; thửa số 855, diện tích 55m<sup>2</sup>, loại đất màu, do ông Huỳnh Văn Mười H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa số 854, diện tích 873,6m<sup>2</sup>, loại đất lúa, do hộ ông Huỳnh Văn Mười H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí đối với ông Huỳnh Văn Mười H, bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc anh Huỳnh Văn Q nộp 2.288.000 đồng ( Hai triệu hai trăm tám mươi tám ngàn đồng)

Buộc ông Trần Trọng L nộp 331.200 đồng ( Ba trăm ba mươi một ngàn hai trăm đồng). Ông Trần Trọng L đã nộp 3.597.000 đồng tiền tạm ứng theo lai thu số 0001482 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ. Hoàn trả lại cho ông Trần Trọng L 3.265.800 đồng ( Ba triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn tám trăm đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Bằng**